

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính:

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		75 306 160 549	78 146 823 416
2. Tiền chi trả cho người c.cấp hàng hoá và dịch vụ	02		-92 776 359 611	-30 712 977 318
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-23 679 706 525	-29 046 060 378
4. Tiền lãi vay đã trả	04		- 399 998 538	-1 784 193 621
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-18 639 363	-8 047 624
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		97 115 578 920	21 110 655 423
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-24 954 643 328	-33 098 235 491
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		30 592 392 104	4 607 964 407
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		13 610 747	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21 059 165	36 906 506
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		34 669 912	36 906 506
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		10 599 635 000	42 070 602 000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-24 911 583 000	-45 728 131 000
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-14 311 948 000	-3 657 529 000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		16 315 114 016	987 341 913
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiến tồn đầu kỳ	60		6 565 004 986	5 577 663 073
Tiến tồn cuối kỳ	70		22 880 119 002	6 565 004 986

Ngày 30 tháng 6 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

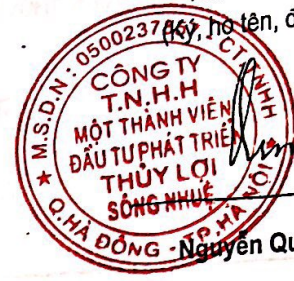
(Ký, họ tên, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

Phụ trách kế toán
(Ký, họ tên)

Handwritten signature

Lê Thị Hiền Hương



Nguyễn Quốc Hội

STT		Mô tả		Số tiền	
1	20	1. Tiền lãi	32.880.110.000	32	32.880.110.000
2	20	2. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
3	20	3. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
4	20	4. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
5	20	5. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
6	20	6. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
7	20	7. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
8	20	8. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
9	20	9. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
10	20	10. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
11	20	11. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
12	20	12. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
13	20	13. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
14	20	14. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
15	20	15. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
16	20	16. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
17	20	17. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
18	20	18. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
19	20	19. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
20	20	20. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
21	20	21. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
22	20	22. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
23	20	23. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
24	20	24. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
25	20	25. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
26	20	26. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
27	20	27. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
28	20	28. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
29	20	29. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
30	20	30. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
31	20	31. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
32	20	32. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
33	20	33. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
34	20	34. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
35	20	35. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
36	20	36. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
37	20	37. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
38	20	38. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
39	20	39. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
40	20	40. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
41	20	41. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
42	20	42. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
43	20	43. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
44	20	44. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
45	20	45. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
46	20	46. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
47	20	47. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
48	20	48. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
49	20	49. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880
50	20	50. Tiền lãi	8.682.004.880	30	8.682.004.880